

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3860/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Xây dựng; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ - BXD ngày 29/4/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.



Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 135/TTr-SXD ngày 25 tháng 6 năm 2021 và Tờ trình số 187/TTr-SXD ngày 21 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Xây dựng; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Ban hành mới 07 thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc các lĩnh vực: Hoạt động xây dựng; Nhà ở và Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Sửa đổi, bổ sung 05 thủ tục hành chính, bao gồm: Thủ tục số 1, 2 thuộc lĩnh vực Kinh doanh bất động sản và thủ tục số 9, 11, 12 thuộc lĩnh vực Nhà ở được công bố tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Thay thế thủ tục hành chính cấp tỉnh, bao gồm: Các thủ tục số 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21 thuộc lĩnh vực Hoạt động xây dựng; thủ tục số 7 thuộc Lĩnh vực Nhà ở và thủ tục số 1 thuộc Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng; thủ tục hành chính cấp huyện, bao gồm: Các thủ tục số 1, 2, 3 thuộc Lĩnh vực hoạt động xây dựng được công bố tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Bãi bỏ 05 thủ tục hành chính cấp tỉnh, bao gồm: Các thủ tục số 2, 17 thuộc Lĩnh vực Hoạt động xây dựng; thủ tục số 4, 5, 6 thuộc Lĩnh vực Nhà ở và bãi bỏ thủ tục hành chính số 1 Lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được công bố tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục, nội dung và quy trình nội bộ, quy trình điện tử kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác của Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các Sở: Xây dựng; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương và Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học; các sở, ban ngành, Trung tâm hành chính công tỉnh và các đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị, địa phương.

Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

Các Sở: Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương và Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, căn cứ cơ cấu tổ chức và quy chế làm việc của đơn vị chịu trách nhiệm rà soát, khẩn trương xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố theo chức năng, nhiệm vụ được phân công trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện tại đơn vị.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Các Sở: Xây dựng; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương; Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học và các địa phương có liên quan để cập nhật nội dung quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh; thực hiện tích hợp, kết nối cung cấp dịch vụ công đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương; Trưởng Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh; Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KGVX, KTN, HCC, Công TTĐT tỉnh.



Cao Tiến Dũng



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THAY THẾ;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH XÂY DỰNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3860 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Cơ quan thực hiện | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|---------------------------------------|----------|--|--|--|---------------------------|-------------------|--|----------------------|
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | | | | | | | |
| 1.1 | 1.009928 | Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ https://congdcv.dongnai.gov.vn . | 150.000 đồng/01 chứng chỉ | Sở Xây dựng | - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | 1 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Cơ quan thực hiện | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|--------------------------|----------|---|--|--|---------------------------|--|--|----------------------|
| 1.2 | 1.009936 | Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ https://congdcv.dongnai.gov.vn . | 500.000 đồng/01 chứng chỉ | Sở Xây dựng | - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/ND-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | 6 |
| 2. Lĩnh vực Nhà ở | | | | | | | | 10 |
| 2.1 | 1.010005 | Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ- | 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai (số 121 Phan Chu Trinh, Quang Vinh, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Không | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | - Nghị định số 30/2021/ND-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành | 10 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Cơ quan thực hiện | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|----------|---|---|--|----------------------|---|---|----------------------|
| | | CP | | | | | mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |
| 2.2 | 1.010006 | Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. | 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định. | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai (số 121 Phan Chu Trinh, Quang Vinh, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Không | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | 14 |
| 2.3 | 1.010007 | Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở | 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai (số 121 Phan Chu Trinh, Quang Vinh, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Không | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng | 18 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Cơ quan thực hiện | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|---|----------|--|--|--|----------------------|---|--|----------------------|
| | | hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. | định. | | | | về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |
| 3. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng | | | | | | | | 22 |
| 3.1. | 1.009788 | Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh. | 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ https://congdcv.dongnai.gov.vn . | Không | - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Các Sở là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh: Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định số 477/QĐ - BXD ngày 29/4/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng | 22 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Cơ quan thực hiện | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|------|----------|---|--|--|----------------------|---|--|----------------------|
| 3.2. | 1.009791 | Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ) | 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ https://congdcv.dongnai.gov.vn . | Không | - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Các Sở là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh: Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 06/2021/ND-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định số 477/QĐ - BXD ngày 29/4/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng | 24 |

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|--|---------|------------------------|--|---|---|---|----------------|--|----|
| 1. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản | | | | | | | | | |
| 1.1 | 1 | 1.002643 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định | Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ | Không | - Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 30/06/2015. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bất động sản. - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | 26 |
| 1.2 | 2 | 1.002630 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: + Đối với dự án khu đô thị mới, dự án phát triển | Không | - Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 30/06/2015. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bất động sản. - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định | 36 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|--------------------------|---------|---|---|---|---|--|--|--|----|
| | | đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư | | đường Phan Trung, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | nhà ở là Sở Xây dựng thực hiện; + Đối với các loại dự án bất động sản khác là Sở quản lý chuyên ngành do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | | số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 2. Lĩnh vực Nhà ở | | | | | | | | 46 | |
| 2.1 | 9 | 1.007764 | Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước | - Không quá 30 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở nhận đủ | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai (số 121 Phan | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng; Công ty cổ phần kinh doanh nhà - Cơ quan có | Không | - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của | 46 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|---------|------------------------|---|---|---|--|--|----------------------|
| | | | hồ sơ hợp lệ, - Trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày. | Chu Trinh, Quang Vinh, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | | Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |
| 2.2 | 11 | 1.007766 | Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước | Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng; Công ty cổ phần kinh doanh nhà - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện UBND tỉnh- Sở Xây | Không - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính | 60 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|---------|------------------------|------------------------------------|--|---|--|---|----------------------|
| | | | | | | dựng | ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |
| 2.3 | 12 | 1.007767 | Bán nhà ở cũ thuộc Sở hữu nhà nước | Không quá 45 ngày kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng; Công ty cổ phần kinh doanh nhà - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh, Bộ Quốc phòng | Không - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | 71 |

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|---------------------------------------|---------|--|---|--|---|---|--|--|----------------------|
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | | | | | | | | 82 |
| 1.1 | 14 | 1.009982 | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Sở Xây dựng 300.000 đồng/01 chứng chỉ | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ | 82 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|---|--|--|---|----------------------|---------------------------|--|----|
| | | | | | | | | Xây dựng. | | |
| 1.2 | 15 | 1.009983 | Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề HDXD hạng II, III | Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Sở Xây dựng | 150.000 đồng/01 chứng chỉ | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | 87 |
| 1.3 | 18 | 1.009984 | Cấp lại chứng chỉ | Cấp lại chứng chỉ | 10 ngày kể từ ngày | Trung tâm | Sở Xây dựng | 150.000 đồng/01 | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày | 92 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|--|--|---|---------------------------|----------------------|---|--|----|
| | | hành nghề HDXD hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn) | hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng) | nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | | chứng chỉ | 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.4 | 19 | 1.009985 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề HDXD hạng II, III do lỗi | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công | Sở Xây dựng | 150.000 đồng/01 chứng chỉ | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số | 96 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phi, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|---|---|---|---|----------------------|---|--|-----|
| | | của cơ quan cấp | lỗi của cơ quan cấp) | | tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | | | 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.5 | 16 | 1.009986 | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III | Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường | Sở Xây dựng | 150.000 đồng/01 chứng chỉ | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính | 100 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|---|--|---|---|----------------------|---|--|-----|
| | | | | | Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | | | phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.6 | 13 | 1.009987 | Chuyên đổi chứng chỉ hành nghề HDXD hạng II, III của cá nhân nước ngoài | Cấp chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, hạng III | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân | Sở Xây dựng | 150.000 đồng/01 chứng chỉ | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; | 104 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|---------|--|--|---|---|---|----------------------|--|----------------------|
| | | | | | Tiền, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | | | - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |
| 1.7 | 10 | 1.009988 | Cấp chứng chỉ năng lực HỖXD hạng II, III | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh(Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, | Sở Xây dựng | 1000.000 đồng/01 chứng chỉ | 108 |
| | | | | | | | | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ | |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|--|---|--|---|----------------------|---|---|-----|
| | | | | | tỉnh Đồng Nai) | | | tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.8 | 11 | 1.009989 | Cấp lại chứng chỉ năng lực HĐXD hạng II, III | Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Sở Xây dựng | 500.000 đồng/01 chứng chỉ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi | 113 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ- UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|------------|--|---|--|--|--|-------------------------|--|--|-----|
| | | | | | | | | bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.9 | 11 | 1.009990 | Cấp lại chứng chỉ năng lực HXD hạng II, III | Cấp cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh(Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Sở Xây dựng | 500.000 đồng/01 chứng chỉ | <ul style="list-style-type: none"> -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ | 117 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|--|--|--|---|---|----------------------|---------------------------|---|-----|
| 1.10 | 12 | 1.009991 | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực HĐXD hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng) | Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Sở Xây dựng | 500.000 đồng/01 chứng chỉ | Xây dựng. -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | 121 |
| 1.11 | 20 | 1.009980 | Cấp giấy phép hoạt | Cấp giấy phép hoạt | 20 ngày kể từ ngày | Trung tâm | Sở Xây dựng | 2.000.000 đồng/l | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày | 125 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phi, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|--|---|---|---|---------------------------|----------------------|--|---|-----|
| | | động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C | nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | | Giấy phép | 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.12 | 21 | 1.009981 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công | Sở Xây dựng | 2.000.000 đồng/l Giấy phép | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số | 129 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|--|--|---|--|--|--|---|--|-----|
| | | và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | ngoài thuộc dự án nhóm B, C | | tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | | | 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.13 | 1 | 1.009972 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu | Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Dự án nhóm A không quá 35 ngày; - Dự án | Trung tâm hành chính công tỉnh(Số 236, đường | - Các Sở là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc | Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính | 132 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|--|---------------------------------|---|---|---|----------------------|--|----------------------|-----|
| | | quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42, Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP | khả thi đầu tư xây dựng | nhóm B không quá 20 ngày. - Dự án nhóm C không quá 15 ngày | Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | UBND tỉnh: Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương | | phù quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng | | |
| 1.14 | 3 | 1.009973 | Thẩm định | Thẩm định | - Không | Trung | Các Sở | Theo quy | -Luật Xây dựng số | 138 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|---------|---|---|---|---|---|--|--|----------------------|
| | | thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ | thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở | quá 25 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 18 ngày đối với công trình còn lại. | tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh: Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương | định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính | 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng | |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|--|---|---|---|--|---|---------------------------|---|-----|
| | | -CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP | | | | | | | | |
| 1.15 | 4 | 1.009974 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình | - Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với công trình cấp II: Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Sở Xây dựng; Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học | 150.000 đồng/01 giấy phép | - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực | 145 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|--|---|--|---|--|---|---|---|-----|
| | | phổ chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án). | | | | | hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng | | |
| 1.16 | 5 | 1.009975 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ | - Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với công trình cấp II: Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh(Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | Sở Xây dựng; Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học | 150.000 đồng/01 giấy phép | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi | 152 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|---|--|---|---|---|--|--|--|-----|
| | | trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | | | | | bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.17 | 6 | 1.009976 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh | - Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với công trình cấp II: Không quá 12 ngày kể | Trung tâm hành chính công tỉnh(Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, | Sở Xây dựng; Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học | 150.000 đồng/01 giấy phép | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ | 158 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|---|--|---|--|---|---|---|---|-----|
| | | trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | tỉnh Đồng Nai) | | | tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.18 | 7 | 1.009977 | Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tranh hoành tráng | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn | - Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với công trình cấp II: Không quá | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P. Tân Tiến, Tp. Biên | Sở Xây dựng; Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học | 150.000 đồng/01 giấy phép | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng | 164 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|---|--|--|---|--|---|--|--|-----|
| | | được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Hòa, tỉnh Đồng Nai) | | | Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.19 | 8 | 1.009978 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin | 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh(Số 236, đường Phan Trung, P.Tân | Sở Xây dựng; Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học | 15.000 đồng/01 lần | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; | 168 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|------|---------|---|--|---|--|--|--|--|---|-----|
| | | tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | | Tiền, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | | | - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.20 | 9 | 1.009979 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong | 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh(Số 236, đường Phan Trung, | Sở Xây dựng; Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ | 15.000 đồng/01 lần | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu | 171 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|--------------------------|---------|--|--|--|---|---|--|--|---|-----|
| | | tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | | P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | sinh học | | tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 2. Lĩnh vực Nhà ở | | | | | | | | | 174 | |
| 2.1 | 7 | 1.010009 | Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 | Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường | - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng - Cơ quan có | Không | - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. | 174 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|---|----------|--|---|--|--|--|----------------------|--|----------------------|
| | | Nghị định số 99/2015/NĐ-CP | hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư). | | Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) | thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | | - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |
| 3. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng | | | | | | | | | 176 |
| 3.1 | 1.009794 | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành | Các Sở là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh: Sở Xây dựng; | Không | -Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định số 477/QĐ - BXD ngày 29/4/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban | 176 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|---------|---|--|---------------------|---|---|----------------------|--|----------------------|
| | | dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng | quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) | | chính công của tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc nộp trực tuyến tại địa | Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương | | hành; thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) |
|--|---------|---|
| | | chuyên ngành |
| II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | | |
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | |
| 1.1 | 1 | 1.009992 |
| | | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | |
|-----|---------|--|--|--|--|--|-------------------------------|--|
| | | trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | nhà ở riêng lẻ: + Tp.Biên Hòa: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. | huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | giấy phép | |
| 1.5 | 2 | 1.009996 | Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV | - Đối với công trình: Không quá 12 ngày làm việc kể | Bộ phận tiếp nhận và trả kết | Cơ quan được giao quản lý xây | - Công trình: 150.000 đồng/01 giấy phép |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|--|--|---|---|--|--|---|-----|
| | | | | sơ hợp lệ. | cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | | | bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.2 | 1 | 1.009993 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được UBND cấp tỉnh phân cấp) | Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 25 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 18 ngày đối với công trình còn lại | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Cơ quan được giao quản lý xây dựng | Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế | Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; | 187 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|--|--|---|--|--|--|---|-----|
| | | | | | thuộc UBND cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | - Hạ tầng). | | thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.3 | 2 | 1.009994 | Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo /Tượng | - Đối với công trình: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với nhà ở riêng lẻ: + Tp.Biên Hòa: | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân | Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị, | - Công trình: 150.000 đồng/01 giấy phép - Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/01 giấy phép | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng | 192 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|---|--|--|--|---|--|---|-----|
| | | trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | dân cấp huyện. | Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | | Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.4 | 2 | 1.009995 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo | - Đối với công trình: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành | Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp | - Công trình: 150.000 đồng/01 giấy phép - Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/01 | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số | 202 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|--|---|---|--|-------------------------------|--|--|-----|
| | | trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | <i>nhà ở riêng lẻ:</i> + Tp.Biên Hòa: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. | huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | giấy phép | nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.5 | 2 | 1.009996 | Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV | - <i>Đối với công trình:</i> Không quá 12 ngày làm việc kể | Bộ phận tiếp nhận và trả kết | Cơ quan được giao quản lý xây | - Công trình: 150.000 đồng/01 giấy phép | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số | 209 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II | |
|-----|---------|--|---|---|--|--|--|---|----------------------|-----|
| | | riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với nhà ở riêng lẻ: + Tp.Biên Hòa: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. | dựng thuộc UBND cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | - Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/01 giấy phép | 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | | |
| 1.6 | 3 | 1.009997 | Điều chỉnh | Cấp điều | - Đối với | Bộ | Cơ quan | - Công | -Luật Xây dựng số | 216 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|---------|---|---|--|--|--|--|---|----------------------|
| | | GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | chính giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô | <i>công trình:</i> Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - <i>Đối với nhà ở riêng lẻ:</i> + Tp.Biên Hòa: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày làm việc kể | phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. | được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | trình: 150.000 đồng/01 giấy phép - Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/01 giấy phép | 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|---------|--|---|--|--|---|--|--|----------------------|
| | | | thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | | | |
| 1.7 | 3 | 1.009998 | Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho | 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. | Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | 15.000 đồng/01 lần -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | 220 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|---------|--|---|---|--|---|--|---|----------------------|
| | | | công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | | | | | | |
| 1.8 | 3 | 1.009999 | Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm cấp GPXD của | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình | 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. | Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng). | 15.000 đồng/01 lần -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; -Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động | 224 |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ- UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Số trang tại Phần II |
|-----|------------|--|--|------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------|--|----------------------------------|
| | | cấp trung ương, cấp tỉnh. | không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | | | | | xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | |

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ | Căn cứ pháp lý | |
|---------------------------------------|---------|----------------------------------|---|--|
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | | | |
| 1.1 | 2 | 1.006938 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) | -Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. |
| 1.2 | 17 | 1.007401 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (đối với trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 44a Nghị định 100/2018/NĐ-CP) | - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. |
| 2. Lĩnh vực Nhà ở | | | | |
| 2.1 | 4 | 1.007752 | Chấp thuận chủ trương dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014 | - Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ | Căn cứ pháp lý | |
|-----|---------|----------------------------------|--|---|
| 2.2 | 5 | 1.007757 | <p>Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP</p> | <p>Xây dựng.</p> <p>- Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p> |
| 2.3 | 6 | 1.007758 | <p>Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP</p> | <p>- Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p> |

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ | Căn cứ pháp lý | |
|---------------------------------------|---------|----------------------------------|--|---|
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | | | |
| 1.1 | 1 | 1.007254 | <p>Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)</p> | <p>Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;</p> <p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây</p> |

QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; SỬA ĐỔI BỔ SUNG, THAY THẾ; BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG, UBND CẤP HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3860 /QĐ-UBND ngày 06/ 10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần III

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG, UBND CẤP HUYỆN

A. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| Stt | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|---------------------------------------|--|---|---|--|----------------------|
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | | | | |
| 1.1 | Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Ban hành mới | 20 |
| 1.2 | Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Ban hành mới | 21 |
| 2. Lĩnh vực Nhà ở | | | | | |
| 2.1 | Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP | 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định. | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai | Ban hành mới (Quy trình nội bộ) | 22 |
| 2.2 | Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. | 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định. | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai | Ban hành mới (Quy trình nội bộ) | 23 |
| 2.3 | Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại | 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai | Ban hành mới (Quy trình nội bộ) | 24 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|---|---|----------------------|--------------------------------|--|----------------------|
| | khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. | quy định. | | | |
| 3. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng | | | | | |
| 3.1 | Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh | 14 ngày | Trung tâm hành chính công tỉnh | Ban hành mới | 4 |
| 3.2 | Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ) | 14 ngày | Trung tâm hành chính công tỉnh | Ban hành mới | 5 |

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| Stt | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV | |
|--|------------------------|---|---|--|----------------------|----|
| 1. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản | | | | | | |
| 1.1 | 1 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định | Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Sửa đổi, bổ sung | 25 |
| 1.2 | 2 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Sửa đổi, bổ sung | 27 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV | |
|--------------------------|------------------------|---|---|---|-------------------------------------|----|
| | định việc đầu tư | | | | | |
| 2. Lĩnh vực Nhà ở | | | | | | |
| 2.1 | 9 | Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước | - Không quá 30 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở nhận đủ hồ sơ hợp lệ, - Trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày. | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai | Sửa đổi, bổ sung (Quy trình nội bộ) | 28 |
| 2.2 | 11 | Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước | không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai | Sửa đổi, bổ sung (Quy trình nội bộ) | 30 |
| 2.3 | 12 | Bán nhà ở cũ thuộc Sở hữu nhà nước | không quá 45 ngày kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Công ty cổ phần kinh doanh Nhà Đồng Nai | Sửa đổi, bổ sung (Quy trình nội bộ) | 34 |

C. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV | |
|-----|--|--|---|--|--|----------------------|----|
| 1.1 | 14 | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 36 |
| 1.2 | 15 | Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III | Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 37 |
| 1.3 | 18 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn) | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 38 |
| 1.4 | 19 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 39 |
| 1.5 | 16 | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III | Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 40 |

| Stt | | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|------|----|---|--|--|--------------------------------|--|----------------------|
| 1.6 | 13 | Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề HDXD hạng II, III của cá nhân nước ngoài | Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 41 |
| 1.7 | 10 | Cấp chứng chỉ năng lực HDXD hạng II, III | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 42 |
| 1.8 | 11 | Cấp lại chứng chỉ năng lực HDXD hạng II, III | Cấp cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 43 |
| 1.9 | 11 | Cấp lại chứng chỉ năng lực HDXD hạng II, III | Cấp cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 44 |
| 1.10 | 12 | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực HDXD hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng) | Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 45 |
| 1.11 | 20 | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 46 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|------|--|---|---|---|--|----------------------|
| | | dự án nhóm B, C | | | | |
| 1.12 | 21 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế 47 |
| 1.13 | 1 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42, Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng | - Dự án nhóm A không quá 35 ngày; - Dự án nhóm B không quá 20 ngày; - Dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế 48 |
| 1.14 | 3 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở | - Không quá 25 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 18 ngày đối | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế 51 |

| Stt | | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|------|---|--|--|---|---------------------------------|---|-----------------------------|
| | | Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP | | với công trình còn lại. | | | |
| 1.15 | 4 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | - Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với công trình cấp II: Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tình | Thay thế | 53 |
| 1.16 | 5 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn | - Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tình | Thay thế | 55 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|------|--|--|---|---|--|----------------------|
| | | công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | - Đối với công trình cấp II: Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | |
| 1.17 | 6 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | - Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với công trình cấp II: Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế 57 |
| 1.18 | 7 | Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành | - Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế 59 |

| Stt | | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|------|---|--|---|---|---------------------------------|---|-----------------------------|
| | | tuyên, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án). | công trình cấp II: Không quá 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| 1.19 | 8 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án). | 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tỉnh | Thay thế | 61 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV | |
|---|--|--|--|---|--|----------------------|----|
| 1.20 | 9 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm hành chính công tình | Thay thế | 63 |
| 2. Lĩnh vực Nhà ở | | | | | | | |
| 2.1 | 7 | Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP | Thủ tục công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư). | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm hành chính công tình | Thay thế | 61 |
| 3. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng | | | | | | | |
| 3.1 | 1 | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm hành chính công | Thay thế | 6 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|-----|---|--|----------------------|--------------------------|--|----------------------|
| | bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành | trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) | | tỉnh | | |

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV | |
|---------------------------------------|--|---|---|---|--|----------------------|----|
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | | | | | | |
| 1.1 | 1 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng | Dự án nhóm A không quá 35 ngày; Dự án nhóm B không quá 20 ngày, dự án | Bộ phận tiếp nhận và trả kết | Thay thế | 66 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV | |
|-----|--|---|--|--|--|----------------------|----|
| | định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) | (Trường hợp được UBND cấp tỉnh phân cấp) | nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | quá UBND cấp huyện. | | | |
| 1.2 | 1 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được UBND cấp tỉnh phân cấp) | - Không quá 25 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 18 ngày đối với công trình còn lại. kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. | Thay thế | 69 |
| 1.3 | 2 | Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | - Đối với công trình: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với nhà ở riêng lẻ: + Thành phố Biên Hòa: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. | Thay thế | 71 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV | |
|-----|--|--|---|--|--|----------------------|----|
| | | | làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | | |
| 1.4 | 2 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | - Đối với công trình: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với nhà ở riêng lẻ: + Thành phố Biên Hòa: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. | Thay thế | 74 |
| 1.5 | 2 | Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình | - Đối với công trình: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với nhà ở riêng lẻ: + Thành phố Biên Hòa: | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. | Thay thế | 77 |

| Stt | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV | |
|-----|--|--|--|--|--|----------------------|----|
| | thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | | |
| 1.6 | 3 | Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | - Đối với công trình: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với nhà ở riêng lẻ: + Thành phố Biên Hòa: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Các địa phương còn lại: Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. | Thay thế | 80 |
| 1.7 | 3 | Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với | 04 ngày kể từ ngày nhận đủ | Bộ phận | Thay thế | 83 |

| Stt | | Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020) | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần IV |
|-----|---|---|---|--|--|--|----------------------|
| | | ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | hồ sơ hợp lệ. | tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. | | |
| 1.8 | 3 | Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. | Thay thế | 84 |

**D. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ BỊ BÃI BỎ
I. QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP
TỈNH BỊ BÃI BỎ**



| Stt | | Tên quy trình bị bãi bỏ |
|---------------------------------------|----|---|
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | |
| 1.1 | 2 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) |
| 1.2 | 17 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (đối với trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 44a Nghị định 100/2018/NĐ-CP) |
| 2. Lĩnh vực Nhà ở | | |
| 2.1 | 4 | Chấp thuận chủ trương dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014 |
| 2.2 | 5 | Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP |
| 2.3 | 6 | Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP |

II. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN BỊ BÃI BỎ

| Stt | | Tên quy trình bị bãi bỏ |
|---------------------------------------|---|---|
| 1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | |
| 1.1 | 1 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) |